

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Ngọc Thắm;
Ông Nguyễn Quốc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐ-ST ngày 16/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị K, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn B, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị K trình bày yêu cầu:

Chị K và anh Lê Văn B chung sống với nhau năm 2004, đến năm 2019 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân anh B thường xuyên ăn nhậu, về nhà gây sự với vợ, thậm chí còn nói xấu, vu khống vợ có quan hệ với người đàn ông khác, sự việc xảy ra liên tục, bản thân không chịu đựng được nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 người con tên Dương Hữu Đ, sinh ngày 15/02/2005 (nam) và Dương Thị Tuyết M, sinh ngày 13/9/2009 (nữ); hiện tại hai cháu sống chung gia đình, nguyện vọng con chung muốn theo ai người đó có trách nhiệm nuôi, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn B, Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời về vụ việc; Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải cho đương sự 02 lần nhưng đương sự vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Dương Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Lê Văn B được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị K và anh Lê Văn B thành hôn vào năm 2004, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 43/2019 ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo trình bày của chị K, trong thời gian sống chung anh B không chăm lo cho gia đình, nhậu về gây sự, xúc phạm không tôn trọng chị, nên vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, duy trì cũng không có hạnh phúc chị K yêu cầu được ly hôn, anh B vắng mặt nên không có ý kiến. Thấy rằng, anh B không có thiện chí trong hàn gắn hôn nhân, điều này thể hiện là Tòa án hai lần thông báo hòa giải nhưng anh B không một lần đến nên Tòa án không thể hòa giải hàn gắn hôn nhân của anh chị. Cho thấy, mâu thuẫn của anh chị đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị K về việc xin ly hôn với anh B.

[2] Về con chung: Chị K xác định có 02 cháu tên Dương Hữu Đ, sinh ngày 15/02/2005 (nam) và Dương Thị Tuyết M, sinh ngày 13/9/2009 (nữ); hiện tại hai cháu sống chung gia đình, nguyện vọng con chung muốn theo ai người đó có trách nhiệm nuôi.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu Đ và cháu M, các cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao cháu Đ và cháu M cho chị K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch chị K phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị K về việc yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn B.

Cho chị Dương Thị K ly hôn với anh Lê Văn B.

- Về con chung: Giao hai cháu Dương Hữu Đ, sinh ngày 15/02/2005 (nam) và Dương Thị Tuyết M, sinh ngày 13/9/2009 (nữ), cho chị Dương Thị K tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng chị K phải chịu, chị K có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007583 ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí chị K nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBNDTT N, huyện N (CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính